

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/04/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P1	7:25	15+7	0+0		8+14	0+0	
2		P7+AMD	7:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
3		BK20+P10+P4	7:25	12+0+9	0+0+0		5+7+10	0+0+0	
4		P1+BK8+RC6	9:25	8+13+0	0+0+0		3+14+5	0+0+0	
5		TTC2+P1	9:25	5+16	0+0		0+21	0+0	
6		AMD+P5	9:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
7		P7	11:25	22	0		22	0	
8		P3+P4	11:25	7+15	0+0		7+15	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày p7-4ng, p3-3ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: P3 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHM - VTHU - HTNAM -	ETA: 09:25
CAM-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MIRSAIAPOVR	P3	19	1	2			104	KH-THAC	Russian
2	MIKHAILOVE	P3	18	1	2			88	KH-THAC	Russian
3	LE TUAN ANH	P3						70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MANH CUONG	P3	14	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH SONG HAI	P3	02-03	2	16			60	YTE	Vietnamese
6	LE HUY MANH	P3	09	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUNG	P3	05-06	2	14			56	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN CUONG	P3	10-11	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SOAI	P3	08	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
10	CHAU DINH TU	P3	15	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM TUAN KHAI	P3	16-17	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	P3	07	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC VINH	P3	01	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG NAM HAI	P3	12-13	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TAM THUY	P3	04	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
16	LE QUANG CUONG	P1	73	1	1			80	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM NGOC HAI	P1	80	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
18	LE HUY TAM	P1	74-76	3	13			56	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN XUAN LANH	P1	30	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VAN THANG	P1	31	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN THANG	P1	79	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
22	LE NGOC HAI	P1	77-78	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	15	1.125	19	115	0	0	8		
2	P1	7	471	10	57	0	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.596</b>	<b>29</b>	<b>172</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.596</b>		<b>172</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: P7 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ VĂN TOÀN	P7	02	1	3			75	D-HANH	Vietnamese
2	BUI THE DIEN	P7	05	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU MINH HUNG	P7	04	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN THINH	P7	03	1	4			72	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN THI HANG	P7	07	1	3			59	NIPI	Vietnamese
6	PHAM NGOC SON	P7	06	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH TRONG	P7						70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY LAM	AMD	15	1	11			65	HLJOC	Vietnamese
9	PHAM TUAN HA	AMD	03	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG THE HIEN	AMD	06	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HIEU THAO	AMD	24	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH KHANH	AMD	14	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM ANH NGU	AMD	04-05	2	6			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO BA THANH	AMD	13	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HONG SON	AMD	01-02	2	14			59	ABS	Vietnamese
16	NGUYEN MANH CAN	AMD	12	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU HUU CHINH	AMD	10	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HIEN	AMD	17	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	08-09	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VIET THANG	AMD	11	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
21	DAO DUC HUY	AMD	16	1	13			67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUOC VIET	AMD	07	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	7	504	6	25	0	0	5		
2	AMD	15	989	18	118	0	0	17		
TOTAL		22	1.493	24	143	0	0	22		
WEIGHT KG			1.493		143		0			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: BK20 - P10 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÔNG HOANG ĐỨC	BK20	09	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN VUI	BK20	12-13	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN THIÊN	BK20	14	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ QUANG HUY	BK20	17-18	2	13			48	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	BK20	15-16	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN BA QUY	BK20	10-11	2	20	1	18	74	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ VĂN TOÀN	BK20	19-20	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI HỒNG SANG	BK20	03-04	2	25			75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TIÊN	BK20	400.01	2	21			65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN THÁI THANH	BK20	05-06	2	22			48	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CÔNG	BK20	07-08	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HUY	BK20	02	1	7			86	PSV	Vietnamese
13	MARZIEV	P4	20	1	9			82	KH-THAC	Russian
14	PODYMOV	P4	21	1	7			146	KH-THAC	Russian
15	TRINH VIỆT THĂNG	P4	26	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGỌC TRƯỜNG	P4	23	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P4	25	1	14			95	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU SỸ	P4	27	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	24	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC THĂNG	P4	22	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	28	1	5			67	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	12	786	21	199	1	18	5		
2	P10	0	0	0	0	1	11	7		
3	P4	9	767	9	68	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.553</b>	<b>30</b>	<b>267</b>	<b>2</b>	<b>29</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.553</b>		<b>267</b>		<b>29</b>			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: P1 - BK8 - RC6	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LHM - VTHU - HTNAM -	ETA: 11:45
CAM-2		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUONG NHAT THANH	P1	34	1	7	1	13	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHANH DUY	P1						80	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN LINH	P1	42	1	10			62	YTE	Vietnamese
4	HOANG VAN HAO	P1	35	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DINH PHUONG	P1	32	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
6	VI KHAC THANH	P1	31	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU VAN TUAN	P1	33	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THUONG	P1	36	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THANH BINH	BK8	33-34	2	12	2	30	59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN SY LUC	BK8	21	1	10	1	12	77	XAYLAP	Vietnamese
11	HA VAN NHIEM	BK8	27-28	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG SY	BK8	30	1	16	1	8	55	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN HUNG	BK8	35-36	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN HUU KHUYEN	BK8	29	1	13			59	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VAN SON	BK8	22	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
16	LE PHUONG VIET ANH	BK8	37-38	2	13			76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN CHI BIEN	BK8	39	1	10	1	11	72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DINH KY	BK8	31-32	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HUU LONG	BK8	26	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN QUOC THIEN	BK8	23	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
21	DINH QUANG SON	BK8	24	1	10	1	11	56	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	8	577	7	55	1	13	3		
2	BK8	13	867	18	176	6	72	14		
3	RC6	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.444	25	231	7	85	22		
WEIGHT KG			1.444		231		85			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: TTC2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - VŨ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRINH NGOC THAO	TTC2	63-64	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN TRUNG ĐANG	TTC2	65	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
3	HA VAN ĐỨC	TTC2	61-62	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM NGOC HOA	TTC2	67-68	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LỘC	TTC2	66	1	16			65	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ QUANG TIỀN	P1	83	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU CHUNG	P1	92	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	87	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	93	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHAN	P1	90	1	8			127	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	91	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	88	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	84	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MINH HIỆU	P1	94	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐĂNG QUANG	P1	85-86	2	13			62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG HOAN	P1	95-96	2	20			86	DVL	Vietnamese
17	PHAN MINH QUẢN	P1	20	1	17	2	23	81	DVL	Vietnamese
18	VÔ CHÍ THANH	P1	99	1	17	3	55	74	DVL	Vietnamese
19	PHAN THANH TỈNH	P1	97-98	2	20			64	DVL	Vietnamese
20	LÊ HỒNG MINH	P1	89	1	8			73	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	81-82	2	17			63	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	5	332	8	85	0	0	0		
2	P1	16	1.157	20	168	5	78	21		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.489</b>	<b>28</b>	<b>253</b>	<b>5</b>	<b>78</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.489</b>		<b>253</b>		<b>78</b>			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: AMD - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	96-97	2	15			96	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	2000	1	8	1	15	79	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	AMD	91	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC THỤ	AMD	99	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	93	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG ĐỨC HUNG	AMD	94-95	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	92	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ MẠNH HUNG	AMD	90	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	88-89	2	13			47	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	98	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	09	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P5	10	1	3			63	YTE	Vietnamese
13	TÔNG XUÂN SINH	P5	11	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	13	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	04	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
16	LUƠNG VĂN THANH	P5	08	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	06	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	02-03	2	8			71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CAO MẠNH	P5	12	1	2			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG MINH	P5	07	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	01	1	4			68	PSV	Vietnamese
22	BUI VĂN QUÂN (1972)	P5	05	1	3			66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	10	717	13	84	1	15	8		
2	P5	12	848	13	57	0	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.565</b>	<b>26</b>	<b>141</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.565</b>		<b>141</b>		<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LHM - VTHU - HTNAM -	ETA: 14:05
TRANG-3		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN ANH ĐỨC	P7	08	1	9	4	65	94	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TIEN HIỆP	P7	85	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI CÔNG LAN	P7						66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH VAN PHUONG	P7						79	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM ĐANG GIANG	P7	81	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGUYEN HAI DUONG	P7	83	1	3			88	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HOANG PHỤNG	P7	13	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
8	LẠI ANH TUẤN	P7	07	1	13			103	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN ĐỨC	P7	03	1	15	4	58	76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THAI SƠN	P7	01-02	2	12			80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THANH	P7	06	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUỐC TÀI	P7	04-05	2	13			77	XAYLAP	Vietnamese
13	PHUNG QUANG ĐẠI	P7	86-87	2	14			78	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN TIEN DUNG	P7	90-91	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC KIM	P7	10-11	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ TRI HAI	P7	88-89	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
17	HUYNH KY MINH TUAN	P7	09	1	18			64	XAYLAP	Vietnamese
18	TẠ HỒNG QUÂN	P7	92-93	2	20			48	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ HOAI THANH	P7	84	1	7			60	YTE	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN TRUONG	P7	12	1	3			66	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LOAN	P7	685	1	4			48	PSV	Vietnamese
22	ĐẠO XUAN THANH	P7	686	1	5			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	22	1.584	27	220	8	123	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.584</b>	<b>27</b>	<b>220</b>	<b>8</b>	<b>123</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.584</b>		<b>220</b>		<b>123</b>			

GRAND TOAL: 1.927 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2025	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VIỆT - N.CƯƠNG - THỤ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO HUU PHUOC	P3	25	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
2	DOAN VIET DONG	P3	16	1	12	5	57	77	CODIEN	Vietnamese
3	DO ĐỨC ANH	P3	17	1	12	3	40	81	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUNG	P3	68	1	10			80	CODIEN	Vietnamese
5	DO HOAI NAM	P3	13	1	8			68	PSV	Vietnamese
6	PHAM MINH TUAN	P3	14-15	2	15			66	PSV	Vietnamese
7	LE TIEN QUY	P3	93	1	6			76	PSV	Vietnamese
8	BUI VAN THOAI	P4	27	1	4			68	YTE	Vietnamese
9	HA XUAN QUY	P4	19-20	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM VAN PHUC	P4	22	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THUONG	P4	21	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI TIEN THANH	P4	23	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG KHAC DU	P4	33	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN CU	P4						59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HAI	P4	29	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THE ANH	P4	24	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM XUAN HAI	P4	26	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG BAY	P4	28	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	P4	01	1	2			59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NAM	P4	25	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM LE DUONG	P4						83	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU THANH	P4						68	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	7	523	8	67	8	97	7		
2	P4	15	1.056	13	70	0	0	15		
TOTAL		22	1.579	21	137	8	97	22		
WEIGHT KG			1.579		137		97			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN